

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Thăng Long -CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Thăng Long -CTCP
 - Mã chứng khoán:TTL
 - Địa chỉ:72 – Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Thượng – Quận Đống Đa – Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ/Tel:091.555.43.42
2. Email:tongthanglong.tlg@gmail.com Website : tlg@tlg.com.vn
3. Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC Quý 1 năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc):☐

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con):☒

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).☐

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có ☐

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán quý 1 năm 2024):

Có ☐

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28./04/2025 tại đường dẫn: ...tlg.com.vn.....

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng, hợp nhất quý I.2024
- Văn bản giải trình số 176/TLG-TCKT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT ✓
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TL.TỔNG GIÁM ĐỐC
TP HÀNH CHÍNH - NHÂN SỰ
Trần Duy Hưởng

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 1 NĂM 2025



TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 1 NĂM 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bảng cân đối kế toán	3-4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6-7
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	8-34

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31-03-2025 VND	01-01-2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.101.841.676.037	2.179.997.685.987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	175.291.524.047	456.686.143.715
Tiền	111		120.291.524.047	431.686.143.715
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62.446.606.899	42.446.606.899
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	62.446.606.899	42.446.606.899
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.251.158.704.816	1.066.133.795.890
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	439.096.437.578	455.957.669.165
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	833.417.862.586	636.906.902.205
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	140.147.313.236	134.772.133.104
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(161.502.908.584)	(161.502.908.584)
IV. Hàng tồn kho	140		495.934.972.785	498.258.803.455
Hàng tồn kho	141	5.7	495.934.972.785	498.258.803.455
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		117.009.867.490	116.472.336.028
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	269.658.033	434.263.728
Thuế GTGT được khấu trừ	152		75.871.498.804	75.921.586.752
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	40.868.710.653	40.116.485.548
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		276.960.473.691	277.824.315.202
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		69.131.830.661	69.131.830.661
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.9	69.007.870.661	69.007.870.661
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	123.960.000	123.960.000
II. Tài sản cố định	220		17.256.677.128	17.940.881.059
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	15.379.098.409	15.988.065.436
- Nguyên giá	222		58.500.600.607	58.479.657.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.121.502.198)	(42.491.591.691)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	1.877.578.719	1.952.815.623
- Nguyên giá	225		2.407.580.909	2.407.580.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(530.002.190)	(454.765.286)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	-	-
- Nguyên giá	228		225.470.000	225.470.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225.470.000)	(225.470.000)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	189.567.368.339	189.567.368.339
Đầu tư vào công ty con	251		147.902.000.000	147.902.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.844.300.000	17.844.300.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.821.068.339	3.821.068.339
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	20.000.000.000	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.004.597.563	1.184.235.143
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.004.597.563	1.184.235.143
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.378.802.149.728	2.457.822.001.189

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31-03-2025 VND	01-01-2025 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.836.287.939.600	1.917.977.125.682
I. Nợ ngắn hạn	310		1.780.791.707.977	1.862.000.723.225
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	425.255.815.219	455.221.854.832
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	589.611.416.910	656.083.954.645
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.580.880.629	1.101.084.892
Phải trả người lao động	314		4.887.073.691	8.744.801.109
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	32.118.011.568	42.052.575.890
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	2.222.505.727	2.203.708.197
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	85.261.554.923	81.638.622.910
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	639.297.424.236	614.388.095.676
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		557.025.074	566.025.074
II. Nợ dài hạn	330		55.496.231.623	55.976.402.457
Phải trả dài hạn khác	337	5.19	51.084.090.724	51.084.090.724
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	4.412.140.899	4.892.311.733
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		542.514.210.128	539.844.875.507
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	542.514.210.128	539.844.875.507
Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
Cổ phiếu quỹ	415		(543.000.000)	(543.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		465.100.186	484.459.399
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.934.839.382	22.934.839.382
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.951.594.015	45.262.900.181
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		45.262.900.181	35.095.488.478
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.688.693.834	10.167.411.703
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.378.802.149.728	2.457.822.001.189

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Minh Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Dịu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I - 2025	Quý I - 2024	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	192.026.963.388	356.849.363.159	192.026.963.388	356.849.363.159
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		192.026.963.388	356.849.363.159	192.026.963.388	356.849.363.159
Giá vốn hàng bán	11	6.2	178.297.159.057	346.578.298.748	178.297.159.057	346.578.298.748
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.729.804.331	10.271.064.411	13.729.804.331	10.271.064.411
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.997.352.377	21.132.415.915	11.997.352.377	21.132.415.915
Chi phí tài chính	22	6.4	10.107.599.378	8.983.585.472	10.107.599.378	8.983.585.472
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.107.599.378	8.983.585.472	10.107.599.378	8.983.585.472
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.090.276.275	11.655.931.989	10.090.276.275	11.655.931.989
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.529.281.055	10.763.962.865	5.529.281.055	10.763.962.865
Thu nhập khác	31	6.6	125.840.847	439.054.534	125.840.847	439.054.534
Chi phí khác	32	6.7	2.966.428.068	191.572.462	2.966.428.068	191.572.462
Lợi nhuận khác	40		(2.840.587.221)	247.482.072	(2.840.587.221)	247.482.072
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.688.693.834	11.011.444.937	2.688.693.834	11.011.444.937
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.688.693.834	11.011.444.937	2.688.693.834	11.011.444.937

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Hằng

Nguyễn Thị Minh Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diệu

Nguyễn Thị Diệu

Hà Nội, ngày 2 tháng 04 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.688.693.834	11.011.444.937
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	686.546.728	861.747.851
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.561.401.377)	(21.132.415.915)
- Chi phí lãi vay	06	10.107.599.378	8.983.585.472
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.921.438.563	(275.637.655)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(184.974.820.978)	(20.944.986.538)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.323.830.670	22.973.684.057
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(106.883.270.923)	(139.407.669.289)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	344.243.275	327.487.714
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.107.599.378)	(8.983.585.472)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(9.000.000)	(33.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(288.385.178.771)	(146.343.707.183)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(19.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(20.000.000.000)	8.212.610.307
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.561.401.377	21.132.415.915
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.438.598.623)	9.745.026.222

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I Năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	201.005.052.265	193.889.795.505
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(176.485.162.902)	(167.232.302.455)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(90.731.637)	(916.659.017)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.429.157.726	25.740.834.033
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(281.394.619.668)	(110.857.846.928)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	456.686.143.715	286.279.241.742
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	175.291.524.047	175.421.394.814

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Dịu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Tổng Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu sang Tổng Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên tiếng anh: Thang Long Joint Stock Corporation.

Tên viết tắt: TLG.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 20/8/2024 là: 419.080.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười chín tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 5 Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với mã TTL.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

1.3. Chu kỳ sản xuất và kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là xây dựng. Do đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/03/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP - Xí nghiệp Thăng Long 5	Hà Nội	Xây lắp
Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Hồ Chí Minh	Xây lắp
Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại Campuchia	Campuchia	Xây lắp

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Tên</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>	<u>Tỉ lệ biểu quyết</u>
Công ty con					
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Hà Nội	Thi công xây dựng	82,65%	82,65%	82,65%
Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Hà Nội	Thi công xây dựng	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Hưng Yên	Đầu tư xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao công trình cầu, đường bộ	(*)	(*)	(*)
Công ty liên kết					
Công ty TNHH BOT Đường 188	Hải Dương	Đầu tư xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao công trình cầu, đường bộ	(**)	(**)	(**)

(*): Tổng Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh - Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long - CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,41%.

Theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vực vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 70%.

(**): Theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái - Mạo Khê giữa Sở Giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03%.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính chuyển đổi của đơn vị hạch toán phụ thuộc

Cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty: Báo cáo tài chính của Chi nhánh Campuchia được lập bằng đơn vị tiền tệ là đồng đô la Mỹ (USD) đã được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia tại ngày lập báo cáo.
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh sau khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái"- Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng Cân đối kế toán riêng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
 - Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Phần mềm máy tính	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 - 10 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	08
Phương tiện vận tải	08

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành;
- Chi phí lãi vay phải trả
- Chi phí phải trả khác.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31-03-2025	01-01-2025
	VND	VND
- Tiền mặt	1.002.942.178	825.423.810
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	119.288.581.869	430.860.719.905
- Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	175.291.524.047	456.686.143.715

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31-03-2025 (VND)		01-01-2025 (VND)	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư ngắn hạn	62.446.606.899	62.446.606.899	42.446.606.899	42.446.606.899
- Tiền gửi có kỳ hạn	62.446.606.899	62.446.606.899	42.446.606.899	42.446.606.899
(i)				
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
(ii)				
Cộng	82.446.606.899	82.446.606.899	62.446.606.899	62.446.606.899

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 1,9%/năm đến 2,9%/năm, được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Tổng Công ty tại các ngân hàng (chi tiết tại thuyết minh số 5.20);

(ii) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,2%/năm, được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Tổng Công ty tại các ngân hàng (chi tiết tại thuyết minh số 5.20).

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31-3-2025 VND	01-01-2025 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	439.096.437.578	455.957.669.165
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực xây dựng	342.333.551.061	358.713.561.381
+ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội (Tên cũ Ban quản lý dự án hạ tầng Tả Ngạn)	42.216.193.562	42.216.193.562
+ Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	27.036.370.436	25.554.622.644
+ Phải thu các đối tượng khác	273.080.987.063	290.942.745.175
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực khác	96.762.886.517	97.244.107.784
+ Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	35.898.962.580	35.892.780.290
+ Phải thu các đối tượng khác	60.863.923.937	61.351.327.494
Cộng	439.096.437.578	455.957.669.165
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	40.793.610.839	40.422.758.089

5.4 Trả trước cho người bán

	31-3-2025 VND	01-01-2025 VND
Ngắn hạn	833.417.862.586	636.906.902.205
- Trả trước người bán lĩnh vực xây dựng	772.601.716.758	576.734.019.906
+ Công ty cổ phần tập đoàn TAG Việt Nam	3.041.769.320	724.632.950
+ Công ty cổ phần xây dựng số 12 Thăng Long	61.350.798.446	61.350.798.446
+ Công ty cổ phần xây dựng số 9	16.438.529.359	16.470.452.829
+ Công ty TNHH đầu tư và xây dựng TNG	73.853.131.828	53.604.943.913
+ Các đối tượng khác	617.917.487.805	444.583.191.768
- Trả trước người bán lĩnh vực dịch vụ	60.816.145.828	60.172.882.299
+ Công ty cổ phần xây dựng số 9	56.144.782.378	56.572.883.729
+ Các đối tượng khác	4.671.363.450	3.599.998.570
Cộng	833.417.862.586	636.906.902.205
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	253.027.255.972	184.069.622.909

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5.5 Phải thu khác**

	31-03-2025 (VND)		01-01-2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	140.147.313.236	(1.268.828.680)	134.772.133.104	(1.268.828.680)
- Ký quỹ, ký cược	-	-	3.466.885.700	-
- Tạm ứng	96.558.467.905	-	86.872.120.856	-
- Phải thu khác	43.588.845.331	(1.268.828.680)	44.433.126.548	(1.268.828.680)
+ Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.082.626.919	-	10.082.626.919	-
+ Phải thu ban điều hành dự án	8.621.104.270	-	9.106.925.877	-
+ Lãi dự thu	165.507.765	-	165.507.765	-
+ Phải thu trách nhiệm bồi thường theo bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội (i)	10.581.724.609	-	10.781.724.609	-
+ Các khoản phải thu khác	14.137.881.768	(1.268.828.680)	14.296.341.378	(1.268.828.680)
b. Dài hạn	123.960.000	-	123.960.000	-
- Ký quỹ, ký cược	123.960.000	-	123.960.000	-
Cộng	140.271.273.236	(1.268.828.680)	134.896.093.104	(1.268.828.680)
Trong đó:				
Phải thu các bên liên quan	10.003.640.089	-	9.674.872.960	-
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)				

(i) Theo Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 07/2014 đến tháng 07/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng (chi tiết tại thuyết minh số 5.19). Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang tạm thời xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Ngày 05/9/2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội có Quyết định số 174/QĐ-CCTHADS về việc khấu trừ số tiền 18.556.130.948 đồng trong tài khoản số 1462201022200 của Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam để thi hành án. Số tiền còn lại thực hiện một phần bằng công nợ giữa Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5.6. Nợ xấu

	31-03-2025 (VND)			01-01-2025 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán	145.415.236.272	(145.415.236.272)	-	145.415.236.272	(145.415.236.272)	-
- Công ty CPXD số 2 Thăng Long	12.042.306.840	(12.042.306.840)	-	12.042.306.840	(12.042.306.840)	-
- Công ty CPXD số 8 Thăng Long	35.587.816.315	(35.587.816.315)	-	35.587.816.315	(35.587.816.315)	-
- Công ty CPXD số 12 Thăng Long	59.454.263.365	(59.454.263.365)	-	59.454.263.365	(59.454.263.365)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	17.649.396.088	(17.649.396.088)	-	17.649.396.088	(17.649.396.088)	-
- Công ty CPXD số mười bảy Thăng Long	14.855.926.944	(14.855.926.944)	-	14.855.926.944	(14.855.926.944)	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	5.637.962.800	(5.637.962.800)	-	5.637.962.800	(5.637.962.800)	-
- Các đối tượng khác	187.563.920	(187.563.920)	-	187.563.920	(187.563.920)	-
Phải thu của khách hàng	14.818.843.632	(14.818.843.632)	-	14.818.843.632	(14.818.843.632)	-
- Công ty CPXD số 2 Thăng Long	1.840.430.981	(1.840.430.981)	-	1.840.430.981	(1.840.430.981)	-
- Công ty CPXD số 12 Thăng Long	8.913.760.403	(8.913.760.403)	-	8.913.760.403	(8.913.760.403)	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	4.064.652.248	(4.064.652.248)	-	4.064.652.248	(4.064.652.248)	-
Phải thu khác	1.268.828.680	(1.268.828.680)	-	1.268.828.680	(1.268.828.680)	-
- Công ty CPXD số mười bảy Thăng Long	1.241.961.126	(1.241.961.126)	-	1.241.961.126	(1.241.961.126)	-
- Các đối tượng khác	26.867.554	(26.867.554)	-	26.867.554	(26.867.554)	-
Cộng	161.502.908.584	(161.502.908.584)	-	161.502.908.584	(161.502.908.584)	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5.7 Hàng tồn kho**

	31-03-2025 (VND)		01-01-2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	214.770.471	-	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	487.696.551.810	-	497.424.320.420	-
- Hàng hoá	8.023.650.504	-	834.483.035	-
Cộng	495.934.972.785	-	498.258.803.455	-

5.8 Chi phí trả trước

	31-03-2025 VND	01-01-2025 VND
Ngắn hạn	269.658.033	434.263.728
- Chi phí chờ phân bổ	269.658.033	434.263.728
Dài hạn	1.004.597.563	1.184.235.143
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	148.355.116	64.914.015
- Chi phí trả trước dài hạn khác	856.242.447	1.119.321.128
Cộng	1.274.255.596	1.618.498.871

5.9 Phải thu về cho vay dài hạn

	31-03-2025 (VND)		01-01-2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn	69.007.870.661	-	69.007.870.661	-
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	69.007.870.661	-	69.007.870.661	-
Cộng	69.007.870.661	-	69.007.870.661	-

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan	69.007.870.661	69.007.870.661
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)		

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
<i>Số dư tại 01-01-2025</i>	33.984.840.058	15.988.908.767	7.211.006.074	1.294.902.228	58.479.657.127
- Tăng trong kỳ	-	12.210.000	8.733.480	-	20.943.480
+ Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
+ Tăng khác (i)	-	12.210.000	8.733.480	-	20.943.480
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Số dư tại 31-03-2025</i>	33.984.840.058	16.001.118.767	7.219.739.554	1.294.902.228	58.500.600.607
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
<i>Số dư tại 01-01-2025</i>	31.897.254.234	5.007.095.987	4.543.452.454	1.043.789.016	42.491.591.691
- Tăng trong kỳ	33.670.737	427.608.609	140.890.383	27.740.778	629.910.507
+ Khấu hao trong kỳ	33.670.737	417.741.406	132.156.903	27.740.778	611.309.824
+ Tăng khác (i)	-	9.867.203	8.733.480	-	18.600.683
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Số dư tại 31-03-2025</i>	31.930.924.971	5.434.704.596	4.684.342.837	1.071.529.794	43.121.502.198
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
<i>1. Tại ngày 01-01-2025</i>	2.087.585.824	10.981.812.780	2.667.553.620	251.113.212	15.988.065.436
<i>2. Tại ngày 31-03-2025</i>	2.053.915.087	10.566.414.171	2.535.396.717	223.372.434	15.379.098.409

(i) Tăng khác là quy đổi ngoại tệ theo tỷ giá các tài sản của chi nhánh Campuchia

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính***Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
<i>Số dư tại 01/01/2025</i>	-	2.407.580.909	2.407.580.909
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư tại 31/03/2025</i>	-	2.407.580.909	2.407.580.909
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỄN KẾ			
<i>Số dư tại 01/01/2025</i>	-	454.765.286,00	454.765.286
Tăng trong kỳ	-	75.236.904	75.236.904
Khấu hao trong kỳ	-	75.236.904	75.236.904
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư tại 31/03/2025</i>	-	530.002.190	530.002.190
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- <i>Tại ngày 01-01-2025</i>	-	1.952.815.623	1.952.815.623
- <i>Tại ngày 31-03-2025</i>	-	1.877.578.719	1.877.578.719

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
<i>Số dư tại 01-01-2025</i>	225.470.000	225.470.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<i>Số dư tại 31-03-2025</i>	225.470.000	225.470.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỄN KẾ		
<i>Số dư tại 01-01-2025</i>	225.470.000	225.470.000
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<i>Số dư tại 31-03-2025</i>	225.470.000	225.470.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
<i>1. Tại ngày 01-01-2025</i>	-	-
<i>2. Tại ngày 31-03-2025</i>	-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

	31-3-2025 (VND)					01-01-2025 (VND)				
	% sở hữu	% biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	% biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con			147.902.000.000		-			147.902.000.000		-
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	82,65	82,65	33.058.000.000		-	82,65	82,65	33.058.000.000		-
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	65,00	65,00	5.200.000.000		-	65,00	65,00	5.200.000.000		-
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	64,30	64,30	109.644.000.000		-	64,30	64,30	109.644.000.000		-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			17.844.300.000		-			17.844.300.000		-
- Công ty TNHH BOT đường 188	22,03	22,03	17.844.300.000		-	22,03	22,03	17.844.300.000		-
- Đầu tư vào đơn vị khác			3.821.068.339		-			3.821.068.339		-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	16,16	16,16	1.807.850.307		-	16,16	16,16	1.807.850.307		-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	16,89	16,89	300.000.000		-	16,89	16,89	300.000.000		-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	15,00	15,00	1.713.218.032		-	15,00	15,00	1.713.218.032		-
Cộng			169.567.368.339	(i)	-			169.567.368.339	(i)	-

(i): Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5.14 Phải trả người bán**

	31-03-2025 (VND)		01-01-2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	425.255.815.219	425.255.815.219	455.221.854.832	455.221.854.832
- Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	407.272.646.083	407.272.646.083	392.760.662.839	392.760.662.839
+ Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	33.546.712.414	33.546.712.414	33.118.941.349	33.118.941.349
+ Công ty CP Thương mại tư vấn và xây dựng Vĩnh Hưng	17.553.879.135	17.553.879.135	17.553.879.135	17.553.879.135
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	3.805.296.087	3.805.296.087	17.213.440.079	17.213.440.079
+ Các đối tượng khác	352.366.758.447	352.366.758.447	324.874.402.276	324.874.402.276
- Phải trả người bán lĩnh vực dịch vụ	17.983.169.136	17.983.169.136	62.461.191.993	62.461.191.993
Cộng	425.255.815.219	425.255.815.219	455.221.854.832	455.221.854.832
Trong đó:				
Phải trả người bán là các bên liên quan	89.796.922.252	89.796.922.252	87.988.003.769	87.988.003.769
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)				

5.15 Người mua trả tiền trước

	31-3-2025 VND	01-01-2025 VND
Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây dựng	589.611.416.910	656.083.954.645
Ban quản lý dự án 7	60.297.146.229	60.297.146.229
Ban quản lý dự án 85	108.388.922.400	108.388.922.400
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	48.313.904.928	48.313.904.928
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa	100.756.990.000	100.756.990.000
Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa	73.361.474.333	73.361.474.333
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	187.482.000.000	187.482.000.000
Các đối tượng khác	11.010.979.020	77.483.516.755
Cộng	589.611.416.910	656.083.954.645

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01-01-2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31-03-2025
Phải nộp	1.101.084.892	16.709.120.005	16.229.324.268	1.580.880.629
Thuế giá trị gia tăng	-	15.527.269.545	15.527.269.545	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.339.895	194.161	-	22.534.056
Thuế thu nhập cá nhân	844.983.604	208.463.377	698.054.723	355.392.258
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.263.030	967.480.809	-	984.743.839
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	216.498.363	-	-	216.498.363
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.712.113	4.000.000	1.712.113
Phải thu	40.116.485.548	-	752.225.105	40.868.710.653
Thuế giá trị gia tăng	40.116.485.548	-	752.225.105	40.868.710.653

5.17 Chi phí phải trả

	31-03-2025 VND	01-01-2025 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	32.118.011.568	42.052.575.890
- Trích trước chi phí công trình	32.118.011.568	42.052.575.890
- Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	32.118.011.568	42.052.575.890

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

	31-03-2025 VND	01-01-2025 VND
a. Ngắn hạn	2.222.505.727	2.203.708.197
- Doanh thu nhận trước	2.222.505.727	2.203.708.197
Cộng	2.222.505.727	2.203.708.197

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5.19 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31-03-2025 VND	01-01-2025 VND
a. Ngắn hạn	85.261.554.923	81.638.622.910
- Kinh phí công đoàn	193.740.676	128.072.704
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	85.067.814.247	81.510.550.206
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	400.521.280	400.521.280
+ <i>Đội thi công công trình</i>	60.376.400.639	64.131.174.818
+ <i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV(i)</i>	10.581.724.610	10.781.724.610
+ <i>Các đối tượng khác</i>	13.709.167.718	6.197.129.498
b. Dài hạn	51.084.090.724	51.084.090.724
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.569.382.000	1.569.382.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.514.708.724	49.514.708.724
+ <i>Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh (ii)</i>	34.661.659.675	34.661.659.675
+ <i>Công ty TNHH BOT đường 188 (iii)</i>	14.853.049.049	14.853.049.049
Cộng	136.345.645.647	132.722.713.634
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan	55.828.757.724	49.514.708.724
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)		

(i) Theo Bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 07/2014 đến tháng 07/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang tạm thời xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Ngày 05/9/2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội có Quyết định số 174/QĐ-CCTHADS về việc khấu trừ số tiền 18.556.130.948 đồng trong tài khoản số 1462201022200 của Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam để thi hành án. Số tiền còn lại thực hiện một phần bằng công nợ giữa Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP;

(ii) Tiền thu hoàn vốn đầu tư của các dự án BOT đường 188 chờ quyết toán với các đối tác trong dự án BOT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

(iii) Tiền thu hoàn vốn đầu tư và lợi nhuận của Dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo phương thức BOT (Dự án BOT cầu Yên Lệnh giai đoạn 1) chờ quyết toán với các đối tác trong dự án BOT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTPC

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	31-03-2025		Trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn các ngân hàng</i>	639.297.424.236	639.297.424.236	201.005.052.265	176.095.723.705	614.388.095.676	614.388.095.676
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	574.101.458.671	574.101.458.671	199.989.062.778	175.524.821.234	549.637.217.127	549.637.217.127
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	3.009.591.195	3.009.591.195	480.170.834	570.902.471	3.100.322.832	3.100.322.832
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.920.683.336	1.920.683.336	480.170.834	480.170.834	1.920.683.336	1.920.683.336
	1.088.907.859	1.088.907.859	-	90.731.637	1.179.639.496	1.179.639.496
Vay đối tượng khác						
b. Vay dài hạn và nợ thuê tài chính						
Vay dài hạn ngân hàng	62.186.374.370	62.186.374.370	535.818.653	-	61.650.555.717	61.650.555.717
Nợ thuê tài chính	4.412.140.899	4.412.140.899	-	480.170.834	4.892.311.733	4.892.311.733
	4.321.537.490	4.321.537.490	-	480.170.834	4.801.708.324	4.801.708.324
	90.603.409	90.603.409	-	-	90.603.409	90.603.409
Tổng	643.709.565.135	643.709.565.135	201.005.052.265	176.575.894.539	619.280.407.409	619.280.407.409

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay như sau:

	31-03-2025 VND	01-01-2025 VND
a. Vay ngắn hạn	639.297.424.236	614.388.095.676
<i>Vay ngắn hạn các ngân hàng</i>	<i>574.101.458.671</i>	<i>549.637.217.127</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (1)	221.987.505.097	173.126.016.722
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (2)	321.332.092.906	341.240.504.584
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (3)	17.723.503.437	16.813.469.683
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (4)	13.058.357.231	18.457.226.138
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.009.591.195</i>	<i>3.100.322.832</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (6)	1.920.683.336	1.920.683.336
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội (7)	1.088.907.859	1.179.639.496
<i>Vay đối tượng khác</i>	<i>62.186.374.370</i>	<i>61.650.555.717</i>
Vay cán bộ công nhân viên (5)	61.127.913.903	60.601.215.305
Công ty TNHH liên danh Ilsung & Cienco I	1.058.460.467	1.049.340.412
b. Vay dài hạn và nợ thuê tài chính	4.412.140.899	4.892.311.733
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (6)	4.321.537.490	4.801.708.324
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội (7)	90.603.409	90.603.409
Tổng	643.709.565.135	619.280.407.409

(1) Khoản vay theo hợp đồng số 01/2025/161762/HĐTDHM ngày 20/01/2025 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng: 1.300.000.000.000 đồng (Trong đó hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 1.000.000.000.000 đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tối đa đến 20/01/2026, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các khoản lợi thu được từ khai thác giá trị quyền sử dụng đất tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và các hợp đồng tiền gửi (lãi suất từ 1,9%/năm đến 4,2%/năm) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng số 256/2024/HĐTD/NHN ký ngày 08/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng không vượt quá 1.500.000.000.000 đồng (Trong đó hạn mức cho vay là 500.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 1.000.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày Ký Hợp đồng Cấp tín dụng này. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt khác đã hình thành và hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công của Tổng Công ty với các chủ đầu tư theo các hợp đồng Thế chấp tài sản: số 350/2020/HĐBD/NHN/04 ký ngày 10/11/2021, số 262/2022/HĐBD/NHN ký ngày 18/11/2022, số 131/2023/HĐBD/NHN ký ngày 09/03/2023, số 04/2023/HĐBD/NHN ký ngày 09/03/2023, số 95/2024/HĐBD/NHN ký ngày 09/04/2024 giữa TP Bank và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(3) Khoản vay theo Hợp đồng số 24/2321351-CTD/033 ngày 11/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức cấp tín dụng là 40.000.000.000 đồng (Trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 40.000.000.000 đồng, giới hạn cho vay trung hạn là 7.642.000.000 đồng). Mục đích vay là cho vay ngắn hạn tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay được bảo đảm bằng một số tài sản là 5 xe lu rung CASE model 1107EX-D, 5 xe lu rung hai cầu DYNAPAC model CA35D – 12t theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 22/2321351-HDTC/003 ký ngày 23/02/2022, thế chấp tài sản là Căn hộ chung cư số 617, tòa L26M-2 (S1.09) có địa chỉ tại Ô đất B3-CT04, Tòa L26M-2 (S1.09) Dự án Khu Đô thị Gia Lâm – Vinhomes Ocean Park và tài sản khác gắn liền với sổ đất số BD902635 theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số 22/2321351-CHCC/003 ký ngày 27/06/2022 giữa ông Nguyễn Viết Phương và bà Phan Thị Thu Thảo theo Hợp đồng Thế chấp nhà ở số 22/2321351-CHCC/003 ký ngày 27/06/2022, thế chấp tài sản là Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, BKS: 30G-366.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 808896 ngày 17/06/2020 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 22/2321351-PTVT/03-01 ký ngày 13/10/2022.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng chung số 754/24/TD/SME/011 ngày 25/07/2024 giữa Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng (Hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng, Hạn mức bảo lãnh 300.000.000.000 đồng). Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 25/07/2024 đến hết ngày 25/07/2025. Mục đích cấp tín dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất, phí của từng loại hình cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng Phụ lục hợp đồng kèm theo Hợp đồng này và/hoặc các văn bản khác liên quan đến cấp tín dụng và/hoặc theo biểu phí niêm yết của ABBANK. Biện pháp đảm bảo: Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên Được Cấp Hạn Mức phát sinh theo Hợp đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa Bên Bảo đảm và ABBANK.

(5) Khoản vay cá nhân theo các hợp đồng:

- Khoản vay ông Phan Đức Thế theo Hợp đồng số 002/2021 ngày 19/5/2021, số tiền vay là 400.000 USD, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 31/03/2025 là: 400.000 USD.

- Khoản vay ông Nguyễn Anh Văn theo Hợp đồng ngày 30/9/2021, số tiền vay là 3.000.000 USD, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 31/03/2025 là: 1.949.643 USD.

(6) Khoản vay theo Hợp đồng số 22/2321351-CTD/003 ngày 23/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư tài sản cố định theo Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 009/2022/HĐMSHH/TLG-TQEq ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long-CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Tín Quang và Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 010/2022/HĐMSHH/TLG-BM ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long - CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Đầu tư Bình Minh. Thời hạn mỗi khoản vay là 72 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là 10 xe lu theo Hợp đồng thế chấp số 22/2321351- HDTD ngày 23/02/2022.

(7) Khoản nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21723000240/HĐCTTC ngày 14/6/2023 để thuê tài sản là Xe ô tô con 5 chỗ nhập khẩu VOLVO S90L ULTIMATE - 29LD-04148. Thời hạn thuê là 60 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội giải ngân cho bên cung cấp.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Lăng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5.21 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01-01-2024	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	218.518.286	22.934.839.382	35.095.488.478	529.411.522.691
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	10.167.411.703	10.167.411.703
- Tăng khác	-	-	-	265.941.113	-	-	265.941.113
Số dư tại 31-12-2024	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	484.459.399	22.934.839.382	45.262.900.181	539.844.875.507
Số dư tại 01-01-2025							
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	2.688.693.834	2.688.693.834
- Giảm khác	-	-	-	(19.359.213)	-	-	(19.359.213)
Số dư tại 31-03-2025	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	465.100.186	22.934.839.382	47.951.594.015	542.514.210.128

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31-03-2025 VND	01-01-2025 VND
+ Công ty TNHH đầu tư và xây dựng TNG	211.589.080.000	211.589.080.000
+ Ông Phạm Tuấn Vũ	105.000.000.000	105.000.000.000
+Vốn góp của các đối tượng khác	102.490.920.000	102.490.920.000
Cộng	419.080.000.000	419.080.000.000

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý 1-2025	Quý 1-2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	419.080.000.000	419.080.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	419.080.000.000	419.080.000.000

d. Cổ phiếu

	31-03-2025	01-01-2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	54.300	54.300
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.853.700	41.853.700

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Tổng Công ty

	31-03-2025	01-01-2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	22.934.839.382	22.934.839.382
Cộng	22.934.839.382	22.934.839.382

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I – 2025	Quý I – 2024
	VND	VND
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	180.859.572.093	339.942.846.931
- Doanh thu các hoạt động khác	11.167.391.295	16.906.516.228
Cộng	192.026.963.388	356.849.363.159

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan	330.418.305	11.112.589.125
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	-	-

02. Giá vốn hàng bán

	Quý I – 2025	Quý I – 2024
	VND	VND
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	171.688.748.886	330.395.103.005
- Giá vốn các hoạt động khác	6.608.410.171	16.183.195.743
Cộng	178.297.159.057	346.578.298.748

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý I – 2025 VND	Quý I – 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.561.401.377	1.532.415.915
- Lợi nhuận dự án BOT	9.435.951.000	19.600.000.000
Cộng	11.997.352.377	21.132.415.915
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tại chính với các bên liên quan</i>	<i>9.764.718.129</i>	<i>20.069.203.255</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>		

04. Chi phí tài chính

	Quý I – 2025 VND	Quý I – 2024 VND
- Lãi tiền vay	10.107.599.378	8.983.585.472
Cộng	10.107.599.378	8.983.585.472

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I – 2025 VND	Quý I – 2024 VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>10.090.276.275</i>	<i>11.655.931.989</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.102.578.849	5.356.328.286
- Chi phí đồ dùng văn phòng	19.112.148	44.656.553
- Chi phí khấu hao TSCĐ	184.541.310	314.208.582
- Thuế, phí và lệ phí	38.472.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.085.803.098	1.578.851.245
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.659.768.870	4.357.887.323
Cộng	10.090.276.275	11.655.931.989

06. Thu nhập khác

	Quý I – 2025 VND	Quý I – 2024 VND
- Thu phạt hợp đồng	97.977.600	412.054.534
- Các khoản khác	27.863.247	27.000.000
Cộng	125.840.847	439.054.534

07. Chi phí khác

	Quý I – 2025 VND	Quý I – 2024 VND
- Các khoản bị phạt	2.919.353.100	
- Các khoản khác	47.074.968	191.572.462
Cộng	2.966.428.068	191.572.462

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Tổng Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Công ty con
Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ

7.2 Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Quý 1 - 2025 VND	Quý 1 - 2024 VND
Bán hàng			330.418.305	11.112.589.125
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công		1.699.294.380
Công ty CP Cầu 1 Thăng Long	Công ty con	Dịch vụ, bán vật tư	225.478.185	3.913.852.076
Công ty CP Cầu 35 Thăng Long	Công ty con	Dịch vụ	104.479.730	5.490.863.361
Công ty cổ phần xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Dịch vụ	460.390	8.579.308
Mua hàng			42.082.257.222	126.217.770.055
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Xây lắp	15.407.297.561	53.195.758.866
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con	Xây lắp	16.772.890.251	34.405.962.461
Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Công ty con	Xây lắp	8.850.214.666	35.239.714.523
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Xây lắp	1.051.854.744	3.376.334.205
Cho vay			-	19.600.000.000
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty con	Cho vay		19.600.000.000
Doanh thu tài chính			9.764.718.129	20.069.203.255
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Công ty con	Cổ tức được chia	9.435.951.000	19.600.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Công ty con	Lãi cho vay	328.767.129	469.203.255

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7.3 Số dư với các bên liên quan				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng			40.793.610.839	40.422.758.089
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	4.132.208.262	3.767.537.802
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con	Thi công	35.898.962.580	35.892.780.290
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty con	Thi công	762.439.997	762.439.997
Trả trước cho người bán			253.027.255.972	184.069.622.909
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con	Thi công	64.016.546.945	39.889.296.800
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	73.853.131.828	53.604.943.913
Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Công ty con	Thi công	42.574.265.462	17.532.045.638
Công ty cổ phần xây dựng số 9	Công ty liên quan của người nội bộ	Thi công và khác	72.583.311.737	73.043.336.558
Phải thu về cho vay			69.007.870.661	69.007.870.661
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty con	Cho vay	69.007.870.661	69.007.870.661
Phải thu khác			10.003.640.089	9.674.872.960
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty con	Lãi cho vay	9.282.696.338	8.953.929.209
Công ty TNHH BOT đường 188	Công ty liên kết	Phải trả khác	720.943.751	720.943.751
Phải trả người bán			89.796.922.252	87.988.003.769
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ	Thi công	2.069.206.852	274.357.432
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con	Thi công	33.546.712.414	33.118.941.349
Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Công ty con	Thi công	54.181.002.986	54.594.704.988
Phải trả khác			55.828.757.724	49.514.708.724
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty con		40.975.708.675	34.661.659.675
Công ty TNHH BOT đường 188	Công ty liên kết		14.853.049.049	14.853.049.049

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng là số liệu Báo cáo tài chính riêng Quý I – 2024.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Dịu

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

The first part of the paper discusses the importance of understanding the cultural context of the research. It highlights the need for researchers to be sensitive to the values and beliefs of the communities they are studying. This is particularly important in the field of education, where cultural differences can significantly impact learning outcomes.

The second part of the paper focuses on the methodology used in the study. It describes the process of selecting participants, collecting data, and analyzing the results. The authors emphasize the importance of using a mixed-methods approach to gain a comprehensive understanding of the research topic.

The third part of the paper presents the findings of the study. It discusses the results of the quantitative data analysis and the insights gained from the qualitative interviews. The authors conclude that there are significant cultural differences in the way that students learn and that these differences should be taken into account when designing educational programs.

Finally, the paper offers some practical recommendations for educators and researchers. It suggests that teachers should be encouraged to use culturally responsive teaching practices and that researchers should continue to explore the relationship between culture and education.